

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/01/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Thế Xương

2. Bà Phạm Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Kiểm sát viên: Bà Hoàng Thị Trịnh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

Ngày 07/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2021/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức T - sinh năm: 1982

Địa chỉ: Tổ 3A, thị trấn PhR, huyện BY, tỉnh Lào Cai - có mặt.

Bị đơn: Chị Bùi Thị T - sinh năm: 1985

Nơi ĐKKHKT: Tổ 3A, thị trấn PhR, huyện BY, tỉnh Lào Cai

Nơi ở: Thôn TV, xã PhKh, huyện BY, tỉnh Lào Cai - (Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên năm 2013. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm

trong làm ăn phát triển kinh tế và xây dựng hạnh phúc gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên đánh, cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành, từ năm 2009 đến nay vợ chồng sống ly thân từ đó không quan T đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Bùi Thị T để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ánh Dương, sinh ngày 19/3/2005, hiện cháu mạnh khỏe và phát triển bình thường và do anh đang trực tiếp nuôi dưỡng. Sau ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dương và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không thống nhất được về việc giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên ý kiến của mình.

Ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành quy định của pháp luật, bị đơn không tuân thủ luật định, không có bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị Bùi Thị T; giao cháu Nguyễn Ánh Dương cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, án phí quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Anh Nguyễn Đức T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn chị Bùi Thị T và giải quyết trách nhiệm nuôi con chung; chị T cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác với Tòa án, không làm bản tự khai, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa vì thế Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Bùi Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên đánh, cãi, chửi nhau và sống ly thân từ năm 2009 từ đó không ai quan T đến nhau. Người thân trong gia đình và chính quyền địa phương cũng xác nhận tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị T phù hợp với lời khai của anh T. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần cho anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị Bùi Thị T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ánh Dương, sinh ngày 19/3/2005. Xét thấy từ khi anh T và chị T sống ly thân chị T không quan T đến cháu Dương, quá trình giải quyết vụ án chị T không tuân thủ quy định của pháp luật nên không có lời khai để thể hiện nguyện vọng của mình về việc nuôi con sau ly hôn. Mặt khác cháu Dương đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng; anh T có mức thu nhập trung bình 7.000.000đ/tháng; quá trình giải quyết vụ án cháu Dương có nguyện vọng ở với bố. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Dương cần giao cho anh T trực tiếp nuôi sau ly hôn và không buộc chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Anh Nguyễn Đức T được ly hôn chị Bùi Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ánh Dương, sinh ngày 19/3/2005, cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Dương đủ 18 tuổi, chị Bùi Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003379 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1);
- VKSND tỉnh+ huyện(2);
- THADS huyện (1);
- UBND thị trấn Phố Ràng (01);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS; VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Tiến